TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2019/DS-PT
Ngày: 09 – 9 – 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T2 Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Ngô Ka T1, sinh năm 1969 (Có mặt).

2. Bà Lê Mỹ N, sinh năm 1971 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh CM.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lâm Ngọc T2, sinh năm 1983.

2. Ông Lưu Minh T3, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh CM.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T và ông T: Bà Lâm Hồng C, sinh năm 1960; địa chỉ: Phường 5, thành phố CM, tỉnh CM(Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N trình bày:

Ông T1 và bà N có hợp đồng chơi hụi với bà Lâm Ngọc T2, do ông bà làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 24/7/2017 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 02 lần, dây hụi gồm 40 phần, bà T2 tham gia 01 phần. Bà T2 hốt hụi đầu tiên, ông bà đã giao tiền đủ cho bà T2. Sau đó, bà T2 đóng lại hụi chết đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) thì bà T2 ngưng không đóng nữa. Hiện dây hụi đã mãn, bà T2 còn nợ 18 lần hụi chết chưa đóng, số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai mở vào ngày 01/10/2017 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 02 lần, dây hụi gồm 40 phần, bà T2 tham gia 01 phần. Bà T2 hốt hụi đầu tiên, ông bà đã giao tiền đủ cho bà T2. Sau đó, bà T2 đóng lại hụi chết đến ngày 16/6/2018 (âm lịch) thì bà T2 ngưng không đóng nữa. Hiện dây hụi đã mãn, bà T2 còn nợ 22 lần hụi chết chưa đóng, số tiền là 44.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba mở vào ngày 21/5/2018 (âm lịch), loại hụi 50.000 đồng, hụi ngày, dây hụi gồm 70 phần, bà T2 tham gia 20 phần. Bà T2 hốt hụi đầu tiên (hốt một lần 20 phần), ông bà đã giao tiền đủ cho bà T2. Bà T2 đóng lại hụi chết được 26 ngày thì ngưng không đóng nữa. Hiện dây hụi đã mãn, bà T2 còn nợ 43 ngày hụi chết chưa đóng, số tiền là 43.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư mở vào ngày 18/6/2018 (âm lịch), loại hụi 50.000 đồng, hụi ngày, dây hụi gồm 70 phần, bà T2 tham gia 40 phần. Bà T2 hốt hụi đầu tiên (hốt một lần 40 phần), ông bà đã giao tiền đủ cho bà T2. Sau khi hốt hụi, bà T2 không đóng lại chết. Hiện dây hụi đã mãn, bà T2 còn nợ chưa đóng hụi chết số tiền là 138.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 04 dây hụi bà T2 còn nợ ông bà là 261.000.000 đồng, bà T2 có làm biên nhận nợ. Các lần giao dịch hụi, ông bà giao dịch trực tiếp với bà T2, nhưng sau khi bà T2 bỏ địa phương đi, ông T3 có đến gặp ông bà hỏi việc bà T2 nợ và hỏi nợ bao nhiêu. Do bà T2 hốt hụi và sử dụng vào mục đích kinh tế của gia đình nên ông Lưu Minh T3 là chồng bà T2 phải chịu trách nhiệm cùng trả với bà T2. Do đó, ông Ngô Ka T1, bà Lê Mỹ N yêu cầu buộc ông T3 và bà T2 có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền hụi còn nợ là 261.000.000 đồng.

- Bà Lâm Ngọc T2 trình bày:

Bà T2 thừa nhận có tham gia các dây hụi do ông T1, bà N làm chủ hụi như bà N, ông T1 trình bày. Bà thừa nhận còn nợ ông T1, bà N số tiền hụi là 261.000.000 đồng. Do thời điểm đó bà thiếu nợ rất nhiều nên đã hốt hụi của bà N, ông T1 để trả các khoản nợ trước đó. Mục đích hốt hụi là để trả nợ do các chủ hụi mà bà tham gia hụi bị bãi, bị đình hụi nên bà đã vay mượn và thiếu rất nhiều chủ nợ. Các khoản nợ trên bà không cho ông T3 biết, cũng như việc giao dịch hụi với ông T1, bà N ông T3 cũng không biết, bà không mang tiền về sử dụng vào việc đi ghe biển của ông T3 mà chỉ sử dụng riêng cho bà. Đối với các biên nhận nợ giữa bà với ông T1, bà N là do bà đứng ra viết và ký, T1n của ông T3 là do bà viết và ký thay. Bà T2 đồng ý trả cho ông T1, bà N số tiền 261.000.000 đồng, nhưng vì hiện tại bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà không trả ngay số tiền cho ông T1, bà N được.

- Ông Lưu Minh T3 trình bày:

Việc bà T2 giao dịch hụi, hốt hụi do ông T1, bà N làm chủ, ông hoàn toàn không biết. Thời gian sau này khi bà T2 bỏ địa phương đi thì ông mới nghe nói lại là bà T2 có tham gia hụi và nợ hụi của bà N, ông T1. Bà T2 hốt hụi, sử dụng tiền hốt hụi vào việc gì ông cũng không rõ. Do ông thường xuyên đi ghe biển, bà T2 ở nhà và giao dịch hụi cũng như sử dụng tiền bạc vào việc gì ông cũng không biết. Nguồn tiền dùng để chi phí trong gia đình đều do ông là người cung cấp từ việc ông đi biển. Còn ghe biển, ông đứng ra vay tiền Ngân hàng để đóng ghe và khi đi biển ông và bà T2 tạm ứng với các chủ cửa hàng, chủ vựa thu mua cá tôm và sau khi đánh bắt ông bán thanh toán cho các chủ nợ, còn khoản lợi nhuận thì vợ chồng cùng quản lý và chi tiêu trong gia đình. Việc ông T1, bà N yêu cầu ông cùng bà T2 trả số tiền hụi còn nợ 261.000.000 đồng, ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N. Buộc ông Lưu Minh T3 và bà Lâm Ngọc T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N số tiền 261.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 02/7/2019, ông Lưu Minh T3 và bà Lâm Ngọc T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu xem xét, điều chỉnh lại số tiền vốn, bà T2 đồng ý thanh toán cho ông T1, bà N số tiền 188.000.000 đồng; trách nhiệm thanh toán nợ thuộc về bà T2, ông T3 không liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà T2 và ông T3.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bà C phát biểu: Giữa bà T2 với Ông T1 và bà N không có giao dịch chơi hụi với nhau, mà thực chất là giao dịch vay tiền với hình thức trả góp. Bà T2 đồng ý trả số tiền vốn 188.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật; tổng cộng vốn, lãi bằng số tiền là 227.000.000 đồng.

Ông T1 và bà N phát biểu: Ông bà không có cho bà T2 vay tiền, số tiền bà T2 nợ là tiền hụi chứ không phải tiền vay. Bà T2 nợ số tiền 261.000.000 đồng có làm giấy nợ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T2 và ông T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N khởi kiện yêu cầu bà T2, ông T3 trả lại ông T1, bà N số tiền nợ hụi chết 261.000.000 đồng cụ thể: bà T2 đóng lại hụi chết của dây hụi thứ nhất đến ngày 10/6/2018 al, còn nợ 18 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền là 36.000.000 đồng; dây hụi thứ hai đóng đến 16/6/2018 al, còn nợ 22 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền là 44.000.000 đồng; dây hụi thứ ba đóng được 26 ngày, còn nợ 43 ngày hụi chết chưa đóng với số tiền là 43.000.000 đồng; dây hụi thứ tư còn nợ 69 ngày hụi chết chưa đóng với số tiền là 138.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà N. Bà T2, ông T3 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm có đơn kháng cáo. Bà T2 chỉ đồng ý thanh toán cho ông T1, bà N số tiền 188.000.000 đồng, yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định và trách nhiệm thanh toán nợ thuộc về bà T2, ông T3 không liên quan. Xét kháng cáo của ông T3, bà T2 Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Xét về số tiền nợ.

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T2 và ông T3 cho rằng bà T2 không có giao dịch hụi với Ông T1 và bà N, mà thực chất bà T2 vay tiền của Ông T1 và bà N với hình thức trả góp. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chứng minh việc giao dịch hụi giữa Ông T1 và bà N với bà T2 là có thực tế, bởi lẽ: Tại biên nhận giao hụi ngày 24/7/2017 âm lịch, thể hiện bà T2 có tham gia hụi 2.000.000 đồng ngày 24/7/2017 âm lịch dây hụi gồm 40 phần, bà T2 bỏ hụi đầu lĩnh tiền hụi là 53.400.000 đồng, số tiền còn phải đóng lại 39 lần với số tiền là 78.000.000 đồng; biên nhận giao hụi ngày 01/10/2017 âm lịch, thể hiện bà T2 có tham gia hụi 2.000.000 đồng ngày 01/10/2017 âm lịch dây hụi gồm 40 phần, bà T2 bỏ hụi đầu và lĩnh tiền hụi là 53.400.000 đồng, số tiền còn phải đóng lại 39 lần với số tiền là 78.000.000 đồng; biên nhận giao hụi ngày 21/5/2018 âm lịch, thể hiện bà T2 có tham gia hụi ngày, hụi 50.000 đồng gồm 20 phần (thực tế là 70 phần), bà T2 lĩnh hụi với số tiền là 61.400.000 đồng, số tiền còn phải đóng lại 69 lần với số tiền là 69.000.000 đồng; biên nhận giao hụi ngày 18/6/2018 âm lịch, thể hiện bà T2 có tham gia hụi ngày, hụi 50.000 đồng gồm 70 phần, bà T2 tham gia 40 phần và đã hốt đầu (hốt một lần 40 phần), (trong biên nhận giao hụi bà T2 ghi hụi 5.000.000 đồng) bà T2 lĩnh hụi với số tiền là 122.200.000 đồng, số tiền còn phải đóng lại 69 lần với số tiền là 138.000.000 đồng. Cả 04 biên nhận trên đều do bà T2 tự viết và ký tên.

[2.2] Hơn nữa tại Biên bản hòa giải ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bà T2 thừa nhận có tham gia các dây hụi như Ông T1 và bà N trình bày, còn nợ tổng số tiền là 261.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông T1, bà N. Đối với đại diện theo ủy quyền bà T2 và ông T3 cho rằng số tiền bà T2 nợ Ông T1 và bà N là tiền vay nhưng không có chứng cứ chứng minh, phía Ông T1 và bà N cũng không thừa nhận có việc cho bà T2 vay tiền, nên không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bà T2 có nợ Ông T1 và bà N số tiền hụi 261.000.000 đồng như Ông T1 và bà N trình bày. Do hiện nay các dây hụi đều đã mãn, Ông T1 và bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ của chủ hụi đối với các hụi viên; do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ông T1 và bà N, buộc bà T2 trả lại cho Ông T1 và bà N số tiền hụi còn nợ 261.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà T2 và ông T3, yêu cầu cho bà T2 trả cho Ông T1 và bà N tổng số tiền vốn, lãi là 227.000.000 đồng, nhưng không được Ông T1 và bà N đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ trả nợ của ông T3: Mặc dù bà T2 cho rằng việc bà chơi hụi ông T3 không biết, ông T3 không liên quan đến số nợ của Ông T1 và bà N, nhưng xét thấy việc bà T2 chơi hụi và phát sinh nợ trong thời kỳ hôn nhân của bà T 2và ông T3 còn đang tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T2 cũng trình bày do bà đã thiếu nợ rất nhiều nên bà đã hốt hụi của bà N và ông T1 để trả các khoản nợ trước đó. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, bà T2 cho rằng đối với số nợ mà bà vay là để sữa chữa ghe đánh bắt thủy sản phục vụ cho gia đình và trả tiền lãi, tiền hụi cho những người khác; ông T3 cũng trình bày giữa ông và bà T2 sử dụng tiền chung trong sinh hoạt gia đình. Hơn nữa, ông T3 cho rằng số tiền bà T2 hốt hụi của Ông T1 và bà N, bà T2 sử dụng cho riêng cá nhân bà T2, nhưng không chứng minh được bà T2 sử dụng cá nhân như thế nào. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T3 có trách nhiệm liên đới với bà T2 trả cho Ông T và bà N số tiền 261.000.000 đồng nêu trên là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T2 và ông T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm bà T2 và ông T3 phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N.

Buộc bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N số tiền 261.000.000 đồng.

Kể từ ngày Ông T1 và bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T2 và ông T3 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3 phải chịu 13.050.000 đồng. Ông Ngô Ka T1 và bà Lê Mỹ N không phải chịu. Ngày 11/01/2019 Ông T1 và bà N đã dự nộp số tiền 6.525.000 đồng theo biên lai thu số 0007456 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được nhận lai.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Lâm Ngọc T2 và ông Lưu Minh T3 phải chịu 300.000 đồng. Bà T2 và ông T3 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019263 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập